

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
CMVIETNAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần 15 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc thay đổi tên Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 357 38555
- Fax : 024 385 64666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Sơn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (tài bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Số: 2.440/20/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

- Các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Trả trước cho người bán ngắn hạn”, “Phải thu ngắn hạn khác” và “Phải trả người bán ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 đang theo dõi một số khoản công nợ đã phát sinh lâu ngày, do đó, Công ty không thực hiện được thủ tục đối chiếu xác nhận nợ với các bên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về các số dư này, cũng như đánh giá ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty (nếu có), cụ thể:

Chỉ tiêu	Số dư 31/12/2019	Số dư 30/6/2020	Thuyết minh
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.927.265.023	13.927.265.023	V.3a
Trả trước cho người bán ngắn hạn	264.820.000	264.820.000	V.4
Phải trả người bán ngắn hạn	6.475.874.189	6.475.874.189	V.12a

- Chi tiêu “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 đang theo dõi số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Công trình Sông Bạc với số tiền là 21.361.631.990 VND, phát sinh từ năm 2013. Chúng tôi chưa nhận được các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng ghi nhận doanh thu của công trình này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng ghi nhận doanh thu tương ứng với giá trị dở dang của công trình này, cũng như số dự phòng tổn thất cần trích lập (nếu có).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		239.601.027.709	289.859.465.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.513.020.586	8.382.782.984
1. Tiền	111		1.436.422.496	6.358.848.738
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.076.598.090	2.023.934.246
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.892.306.063	44.512.144.112
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	41.892.306.063	44.512.144.112
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.957.241.847	127.471.950.987
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	74.697.382.170	73.544.224.552
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	31.199.288.836	41.479.547.016
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.625.000.000	4.225.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	55.310.825.197	57.098.433.775
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(48.875.254.356)	(48.875.254.356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		53.383.593.025	92.661.035.682
1. Hàng tồn kho	141	V.8	53.383.593.025	92.661.035.682
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.854.866.188	16.831.552.041
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	942.422.791	2.494.718.206
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.298.778.316	14.336.833.835
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	613.665.081	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		186.223.137.571	198.346.459.820
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		25.343.846.338	20.826.699.903
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	25.343.846.338	20.826.699.903
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định		220		36.561.119.587	40.540.902.878
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.565.250.481	27.534.561.024
	<i>Nguyên giá</i>	222		56.321.839.211	57.121.839.211
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32.756.588.730)	(29.587.278.187)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	12.995.869.106	13.006.341.854
	<i>Nguyên giá</i>	228		13.163.033.000	13.163.033.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(167.163.894)	(156.691.146)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		122.216.260.410	131.220.919.758
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	110.654.570.000	110.654.570.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.200.000.000	13.200.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(8.269.501.871)	(4.964.842.523)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	6.631.192.281	12.331.192.281
VI. Tài sản dài hạn khác		260		2.101.911.236	5.757.937.281
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.101.911.236	5.757.937.281
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		425.824.165.280	488.205.925.626

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		238.933.333.893	300.974.196.051
I. Nợ ngắn hạn	310		226.215.874.370	289.035.703.305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	64.883.894.375	78.802.908.196
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	114.954.947.681	137.994.412.304
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.785.426.866	3.216.159.291
4. Phải trả người lao động	314		9.604.604.084	6.617.414.484
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12.745.168.062	11.395.819.217
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	5.885.678.805	5.885.678.805
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.187.430.097	2.572.731.088
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	11.095.473.088	41.477.328.608
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.717.459.523	11.938.492.746
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	12.717.459.523	11.913.492.746
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	25.000.000
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		186.890.831.387	187.231.729.575
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	186.890.831.387	187.231.729.575
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.392.289.299	5.161.362.309
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.710.492.088	10.282.317.266
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.051.390.276	10.282.317.266
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(340.898.188)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		425.824.165.280	488.205.925.626

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	153.491.246.581	143.831.245.828
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		153.491.246.581	143.831.245.828
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	146.881.611.947	132.710.947.942
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.609.634.634	11.120.297.886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.331.067.525	2.719.411.814
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.255.618.834	1.780.879.732
Trong đó: chi phí lãi vay	23		178.828.322	305.926.035
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.463.739.867	6.660.376.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(778.656.542)	5.398.453.247
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.849.052.725	7.217.669.712
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.411.294.371	6.678.287.969
13. Lợi nhuận khác	40		437.758.354	539.381.743
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(340.898.188)	5.937.834.990
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	1.372.849.461
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(340.898.188)	4.564.985.529

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CMVIETNAM
KIM NGỌC NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(340.898.188)	5.937.834.990
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; 11	3.767.062.996	4.064.822.641
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	3.304.659.348	1.092.058.022
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(80.744.077)	(273.626.805)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.297.114.118)	(3.457.230.382)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	178.828.322	305.926.035
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.531.794.283	7.669.784.501
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.012.560.618	(20.357.116.397)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		39.277.442.657	6.724.484.137
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(29.383.243.818)	(16.791.583.842)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.208.321.460	(5.482.084.596)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(265.692.267)	(334.724.107)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.163.807.481)	(2.044.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.217.375.452	(30.615.240.304)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(793.670.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		636.363.636	2.053.597.689
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.878.000.000)	(28.316.483.224)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.017.166.490	3.573.031.017
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.559.169.218	422.177.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.334.699.344	(23.061.346.851)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	4.394.218.941	18.441.888.348
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(34.801.074.461)	(20.383.547.578)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.600.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(30.406.855.520)</u>	<u>(10.541.659.230)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.145.219.276	(64.218.246.385)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.382.782.984	77.197.746.918
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.981.674)	(3.914.297)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>9.513.020.586</u>	<u>12.975.586.236</u>

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và lắp đặt công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ	59,63%	59,63%	59,63%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	23,32%	23,32%	23,32%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 289 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 379 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó:

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	04 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

2020
NH
TY
HỮU
TU
C
NỘ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.033.802	73.621.464
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.435.388.694	6.285.227.274
Các khoản tương đương tiền	8.076.598.090	2.023.934.246
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	8.076.598.090	2.023.934.246
Cộng	<u><u>8.513.020.586</u></u>	<u><u>8.382.782.984</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	41.892.306.063	44.512.144.112
	41.892.306.063	44.512.144.112
Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	6.631.192.281	12.331.192.281
Trái phiếu (*)	2.071.192.281	7.771.192.281
	4.560.000.000	4.560.000.000
Cộng	<u>48.523.498.344</u>	<u>56.843.336.393</u>

(*) Là 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trái phiếu này cùng 01 hợp đồng tiền gửi có giá trị 5.500.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	110.654.570.000	(5.262.855.020)	110.654.570.000	(4.170.796.998)
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường ⁽ⁱⁱ⁾	21.030.000.000	(3.603.362.581)	21.030.000.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần CM Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	41.924.570.000		41.924.570.000	
	47.700.000.000	(4.666.139.290)	47.700.000.000	(1.361.479.942)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư và hạ tầng Vietin ^(iv)	13.200.000.000	-	13.200.000.000	-
	13.200.000.000	-	13.200.000.000	-
Cộng	<u>123.854.570.000</u>	<u>(8.269.501.871)</u>	<u>123.854.570.000</u>	<u>(4.964.842.523)</u>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi được Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 4 năm 2017, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường 41.924.570.000, tương đương 68,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với đầu năm.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201758312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 6 năm 2018, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Nha Trang 47.700.000.000 VND với tỷ lệ 59,63% vốn điều lệ, không thay đổi so với số đầu năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Công ty đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin với giá mua là 13.200.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 23,32% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin (Công ty liên kết) đang trong quá trình đầu tư chưa phát sinh doanh thu. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường và Công ty Cổ phần CM Nha Trang đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.964.842.523	4.170.796.998
Trích lập dự phòng bổ sung	3.304.659.348	1.092.058.022
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>8.269.501.871</u>	<u>5.262.855.020</u>

Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin để xem xét trích lập dự phòng (nếu có).

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần CM Nha Trang (CM Nha Trang)		
Thi công xây lắp cho CM Nha Trang	24.184.304.004	24.037.622.457
Cho CM Nha Trang vay	3.400.000.000	-
Lãi vay phải thu CM Nha Trang	203.729.167	-
Cho CM Nha Trang thuê xe	120.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	20.094.712.525	6.793.345.323
Công ty cổ phần CM Nha Trang	20.094.712.525	6.793.345.323
Phải thu các khách hàng khác	54.602.669.645	66.750.879.229
SK Engineering and Construction Co., Ltd.	11.183.897.643	24.965.033.664
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Việt Hoa	62.500.000	62.500.000
Công ty Cổ phần Anh Cao	55.850.000	55.850.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc ⁽ⁱ⁾	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	28.000.000	28.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
Các khách hàng khác	18.153.836.887	16.520.910.450
Cộng	74.697.382.170	73.544.224.552
Trong đó:		
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	13.927.265.023	13.927.265.023

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.438.779.542	2.438.779.542
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1	2.691.000.000	2.691.000.000
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	5.153.965.000	5.153.965.000
Hazama Ando Corporation	4.873.573.354	4.196.936.760
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh	8.304.639.356	3.125.857.400
Các khách hàng khác	1.881.889.086	3.220.161.201
Cộng	25.343.846.338	20.826.699.903

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần JIVC	-	8.780.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	7.798.550.714	7.798.550.714
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	2.317.460.100	6.210.111.139
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	3.854.046.700	4.173.829.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	3.731.208.071	2.327.266.071
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix ⁽ⁱ⁾	264.820.000	264.820.000
Các nhà cung cấp khác	13.233.203.251	11.924.970.092
Cộng	31.199.288.836	41.479.547.016
Trong đó:		
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	264.820.000	264.820.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho vay không xác định thời hạn Công ty Cổ phần CM Nha Trang (là Công ty con) với lãi suất 7%.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.760.702.805	-	2.054.233.499	-
Công ty Cổ phần CM Nha Trang - Tiền cho thuê xe	120.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần CM Nha Trang - Lãi cho vay	275.168.056	-	71.438.889	-
Công ty Cổ phần CM Thành Đông - Tiền chi hộ	1.698.646	-	1.698.646	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại - Tiền chi hộ	6.000.000	-	3.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường - Tiền chi hộ	55.454.545	-	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Tạm ứng	812.964.333	-	1.533.667.308	-
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	283.927.191	-	312.061.446	-
Ông Dương Ngọc Trường - Tạm ứng	42.406.539	-	37.406.539	-
Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương	128.083.496	-	94.960.671	-
Ông Kim Ngọc Nhân - Tạm ứng	50.000.000	-	2.054.233.499	-
Ông Trần Văn Trung - Tạm ứng	1.991.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	55.405.832.286 (39.850.706.013)		84.479.591.189 (39.850.706.013)	
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.327.333.916	-	2.216.761.524	-
Tạm ứng	6.431.854.014	-	10.206.409.891	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.005.271.179	-	1.155.271.179	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272 (12.610.656.272)		12.610.656.272 (12.610.656.272)	
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000 (5.700.000.000)		5.700.000.000 (5.700.000.000)	
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên ⁽ⁱ⁾	21.540.049.741 (21.540.049.741)		21.540.049.741 (21.540.049.741)	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.928.957.269	-	1.615.051.669	-
Cộng	55.310.825.197 (39.850.706.013)		57.098.433.775 (39.850.706.013)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	21.540.049.741
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	5.906.047.298	5.906.047.298
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	5.700.000.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	12.610.656.272
Các khách hàng khác	146.350.000	146.350.000
Cộng	<u>48.875.254.356</u>	<u>48.875.254.356</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	48.875.254.356	42.392.057.474
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	<u>48.875.254.356</u>	<u>42.392.057.474</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.879.909.646	-	5.599.125.428	-
Hàng hóa	6.193.240.412	-	2.496.119.532	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	42.310.442.967	-	84.565.790.722	-
Cộng	<u>53.383.593.025</u>	<u>-</u>	<u>92.661.035.682</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Xenamnoy Gói 3	1.013.246.086	2.781.399.712
Dự án Sông Bạc	21.361.631.990	21.361.631.990
Dự án Khách sạn CM Nha Trang	-	12.344.919.437
Dự án Dầu Tiếng	3.424.773.194	16.690.720.142
Gói thầu XL1 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	7.201.805.501	9.375.526.535
Gói thầu XL3 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	5.740.350.424	5.050.872.277
Dự án Nậm Nừm	-	5.655.470.416
Các công trình, dự án khác	3.568.635.772	11.305.250.213
Cộng	<u>42.310.442.967</u>	<u>84.565.790.722</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	255.014.597	1.719.332.035
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	100.160.740	362.234.475
Chi phí bảo lãnh	515.685.779	115.331.652
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	38.323.255	106.742.071
Chi phí khác	33.238.420	191.077.973
Cộng	<u>942.422.791</u>	<u>2.494.718.206</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.183.507.806	4.337.630.133
Phí bảo lãnh	299.168.601	640.845.943
Các chi phí trả trước dài hạn khác	619.234.829	779.461.205
Cộng	<u>2.101.911.236</u>	<u>5.757.937.281</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.603.265.743	30.345.774.388	7.924.530.999	2.248.268.081	57.121.839.211
Thanh lý	-	(800.000.000)	-	-	(800.000.000)
Số cuối kỳ	<u>16.603.265.743</u>	<u>29.545.774.388</u>	<u>7.924.530.999</u>	<u>2.248.268.081</u>	<u>56.321.839.211</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.151.426.512	2.757.829.760	493.181.575	8.402.437.847
Chờ thanh lý (*)	16.603.265.743	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.549.638.132	22.182.968.678	4.493.682.217	1.360.989.160	29.587.278.187
Khấu hao trong kỳ	332.065.314	2.616.536.405	581.652.354	226.336.175	3.756.590.248
Thanh lý	-	(587.279.705)	-	-	(587.279.705)
Số cuối kỳ	<u>1.881.703.446</u>	<u>24.212.225.378</u>	<u>5.075.334.571</u>	<u>1.587.325.335</u>	<u>32.756.588.730</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>15.053.627.611</u>	<u>8.162.805.710</u>	<u>3.430.848.782</u>	<u>887.278.921</u>	<u>27.534.561.024</u>
Số cuối kỳ	<u>14.721.562.297</u>	<u>5.333.549.010</u>	<u>2.849.196.428</u>	<u>660.942.746</u>	<u>23.565.250.481</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý (*)	14.721.562.297	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.057.178.246 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

(*) Tài sản chờ thanh lý là Tòa nhà văn phòng Công ty Cổ phần CMVIETNAM (xem thuyết minh VIII.3).

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.915.578.000	209.455.000	38.000.000	13.163.033.000
Số cuối kỳ	12.915.578.000	209.455.000	38.000.000	13.163.033.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng -		-	38.000.000	38.000.000
Chờ thanh lý (*)	12.915.578.000	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	118.691.146	38.000.000	156.691.146
Khấu hao trong kỳ	-	10.472.748	-	10.472.748
Số cuối kỳ	-	129.163.894	38.000.000	167.163.894
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	12.915.578.000	90.763.854	-	13.006.341.854
Số cuối kỳ	12.915.578.000	80.291.106	-	12.995.869.106
Tạm thời không sử dụng -	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý (*)	12.915.578.000	-	-	-

(*) Tài sản chờ thanh lý là Tòa nhà văn phòng Công ty Cổ phần CMVIETNAM (xem thuyết minh VIII.3).

12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	32.304.990.591	32.853.990.591
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	24.124.849.833	24.673.849.833
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
Phải trả các nhà cung cấp khác	32.578.903.784	45.948.917.605
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng ⁽ⁱ⁾	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thịnh Cường ⁽ⁱ⁾	437.048.237	437.048.237
Các nhà cung cấp khác	26.103.029.595	39.473.043.416
Cộng	64.883.894.375	78.802.908.196
Trong đó:		
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	6.475.874.189	6.475.874.189

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	1.588.606.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.453.601.500	1.453.601.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C&D	1.219.909.220	1.397.378.558
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	1.913.310.380	1.913.310.380
Các nhà cung cấp khác	3.562.850.145	2.581.414.030
Cộng	12.717.459.523	11.913.492.746

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh	51.500.000.000	56.300.000.000
Ban quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 8	48.929.000.001	58.446.000.001
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và PTNT Tỉnh Tây Ninh	2.600.000.000	5.400.000.000
Các khách hàng khác	11.925.947.680	17.848.412.303
Cộng	<u>114.954.947.681</u>	<u>137.994.412.304</u>

49
CHI
CỔ
H
T
A
G

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải thu cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	10.332.868.177	(8.566.005.279)	1.766.862.898	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.147.924	(10.147.924)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.550.142.400	-	(2.163.807.481)	-	613.665.081
Thuế thu nhập cá nhân	1.666.016.891	1.666.667	(649.119.590)	1.018.563.968	-
Các loại thuế khác	-	102.626.700	(102.626.700)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.396.128	(6.396.128)	-	-
Cộng	3.216.159.291	10.652.896.523	(11.498.103.102)	2.785.426.866	613.665.081

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xuất khẩu là 0%, hoạt động trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(340.898.188)	5.937.834.990
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(3.593.335)	926.412.306
Chi phí khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng	1.530.169.291	1.200.039.111
Lãi phạt chậm nộp tiền thuế, BHXH, các khoản phạt	25.073.684	29.323.684
Khấu hao TSCĐ không đủ điều kiện	50.000.000	1.146.715.427
Dự thu lãi tiền gửi các năm trước năm nay thu được tiền	25.500.000	-
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	1.330.595.607	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	99.000.000	24.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(1.533.762.626)	(273.626.805)
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối kỳ	(80.744.077)	(273.626.805)
Thu nhập tính thuế	(344.491.523)	6.864.247.296
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.372.849.461

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	86.863.945
Trích trước chi phí công trình	12.745.168.062	11.308.955.272
Cộng	12.745.168.062	11.395.819.217

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước vé máy bay Dự án Senji	5.059.940.150	5.059.940.150
Phí quản lý hợp đồng số 01/2019/HĐTC/CMV-Nông thôn 10 nhận trước	825.738.655	825.738.655
Cộng	5.885.678.805	5.885.678.805

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	522.711.516	343.360.056
Bảo hiểm xã hội	1.125.318.869	340.548.724
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	775.561.776	1.580.561.776
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	763.837.936	308.260.532
Cộng	<u>3.187.430.097</u>	<u>2.572.731.088</u>

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	8.698.471.321	8.698.471.321
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông ⁽ⁱ⁾	6.624.000.000	6.624.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	334.294.767	29.800.150.287
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	8.999.999.007
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I ⁽ⁱⁱ⁾	334.294.767	20.800.151.280
<i>Vay cá nhân (Ông Phạm Văn Tùng) ⁽ⁱ⁾</i>	1.455.207.000	1.455.207.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	607.500.000	1.523.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	254.000.000	688.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình ^(iv)	353.500.000	835.500.000
Cộng	<u>11.095.473.088</u>	<u>41.477.328.608</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Là các khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, không xác định thời hạn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An để phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty, thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng chứng chi tiền gửi có giá trị tối thiểu 5,5 tỷ đồng, trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành với tổng giá trị 4.560.000.000 VND và quyền đòi nợ từ các hợp đồng/công trình do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp tín dụng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng khế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng khế ước kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	8.698.471.321	-	-	-	8.698.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.800.150.287	4.396.218.941	-	(33.862.074.461)	334.294.767
Vay ngắn hạn cá nhân	1.455.207.000	-	-	-	1.455.207.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.523.500.000	-	25.000.000	(941.000.000)	607.500.000
Cộng	41.477.328.608	4.396.218.941	25.000.000	(34.803.074.461)	11.095.473.088

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	5.148.466.209	13.504.237.751	190.440.753.960
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	4.564.985.529	4.564.985.529
Trích lập các quỹ	-	-	12.896.100	(12.896.100)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(8.600.000.000)	(8.600.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	172.000.000.000	(211.950.000)	5.161.362.309	9.456.327.180	186.405.739.489
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.161.362.309	10.282.317.266	187.231.729.575
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(340.898.188)	(340.898.188)
Trích lập các quỹ	-	-	230.926.990	(230.926.990)	-
Số dư cuối kỳ này	172.000.000.000	(211.950.000)	5.392.289.299	9.710.492.088	186.890.831.387

19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

• Trích quỹ đầu tư phát triển	VND
	: 230.926.990

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	26.782,22	214.572,05
Euro (EUR)	544,63	683,02
Kíp Lào (LAK)	2.331.721,80	1.307.939,80
Baht Thái Lan (THB)	3.023,31	13.182,46

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.516.801.250	1.843.213.164
Doanh thu hợp đồng xây dựng	151.974.445.331	141.988.032.664
Cộng	<u>153.491.246.581</u>	<u>143.831.245.828</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê nhà		
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT	-	81.818.182
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch HĐQT	-	81.818.182
Ông Dương Ngọc Trường - Phó Tổng Giám đốc	-	40.909.090

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.328.628	207.227.970
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	146.844.283.319	132.503.719.972
Cộng	<u>146.881.611.947</u>	<u>132.710.947.942</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.669.741.610	2.037.568.952
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.068.811	21.955.429
Lãi tiền cho vay	203.729.167	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	372.783.860	386.260.628
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	80.744.077	273.626.805
Cộng	<u>2.331.067.525</u>	<u>2.719.411.814</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	178.828.322	305.926.035
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	772.131.164	382.895.675
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.304.659.348	1.092.058.022
Cộng	4.255.618.834	1.780.879.732

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.763.828.319	3.387.705.934
Chi phí đồ dùng văn phòng	914.192.188	762.176.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	695.172.942	601.683.582
Thuế, phí và lệ phí	6.396.128	110.890.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	959.249.559	1.649.239.542
Chi phí bằng tiền khác	124.900.731	148.680.455
Cộng	5.463.739.867	6.660.376.721

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý vật tư, thiết bị	3.422.957.204	4.868.523.847
Lãi thanh lý tài sản cố định	423.643.341	1.635.602.152
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định</i>	<i>636.363.636</i>	<i>2.053.597.689</i>
<i>Giá trị còn lại tài sản cố định</i>	<i>(212.720.295)</i>	<i>(417.995.537)</i>
Thu nhập từ tiền bồi thường bảo hiểm	2.448.715	-
Thu nhập khác	3.465	713.543.713
Cộng	3.849.052.725	7.217.669.712

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý vật tư	3.357.294.276	5.345.729.595
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	50.000.000	1.146.715.427
Chi phí khác	4.000.095	185.842.947
Cộng	3.411.294.371	6.678.287.969

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.898.652.070	23.767.471.740
Chi phí nhân công	33.976.804.475	33.199.359.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.767.062.996	4.064.822.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.318.829.766	82.694.642.974
<i>Chi phí nhà thuê thuê ngoài</i>	<i>32.268.515.501</i>	<i>65.543.683.031</i>
Chi phí khác	26.028.052	1.736.358.209
Cộng	109.987.377.359	145.462.655.471

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi nhập gốc	283.959.408	422.177.667

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	-	45.000.000
Vay Ông Nguyễn Ngọc Tú	-	9.100.000.000
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	198.956.273	15.630.500.000
Tạm ứng cho Ông Dương Ngọc Trường	5.000.000	67.512.000
Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung	1.991.000.000	-
Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân	50.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao	1.840.265.758	1.478.006.515
Phụ cấp	18.000.000	18.000.000
Cộng	1.858.265.758	1.496.006.515

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6, V.12, V.13 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	99.343.361.390	54.147.885.191	153.491.246.581
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.343.361.390	54.147.885.191	153.491.246.581
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.588.693.376	(979.058.742)	6.609.634.634
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.463.739.867)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.145.894.767
Doanh thu hoạt động tài chính			2.331.067.525
Chi phí tài chính			(4.255.618.834)
Thu nhập khác			3.849.052.725
Chi phí khác			(3.411.294.371)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(340.898.188)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.700.000	-	2.700.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.816.686.118	1.842.039.927	3.658.726.045
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	87.018.111.632	56.813.134.196	143.831.245.828
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.018.111.632	56.813.134.196	143.831.245.828
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.092.205.070	5.028.092.816	11.120.297.886
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.660.376.721)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.459.921.165
Doanh thu hoạt động tài chính			2.719.411.814
Chi phí tài chính			(1.780.879.732)
Thu nhập khác			7.217.669.712
Chi phí khác			(6.678.287.969)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.372.849.461)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.564.985.529
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	7.482.637.721	-	7.482.637.721
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.158.792.716	-	10.158.792.716

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	165.702.923.468	20.600.956.137	186.303.879.605
Tài sản phân bổ cho bộ phận	8.411.250.478	4.584.618.628	12.995.869.106
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			226.325.225.642
Tổng tài sản			425.624.974.353
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	199.407.729.922	5.893.739.719	205.301.469.641
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	15.201.698.167	8.285.805.871	23.487.504.038
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			10.146.360.214
Tổng nợ phải trả			238.935.333.893
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	207.894.419.901	53.909.585.557	261.804.005.458
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.052.028.716	5.954.313.138	13.006.341.854
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			213.395.578.314
Tổng tài sản			488.205.925.626
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	229.349.461.888	10.757.170.575	240.106.632.463
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	27.834.287.446	23.501.614.937	51.335.902.383
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			9.531.661.205
Tổng nợ phải trả			300.974.196.051

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là trong 01 lĩnh vực xây dựng, lắp đặt công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2020/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 7 năm 2020 đã quyết định thực hiện thanh lý tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Ô 60, khu A, ĐGQSD đất khu đất 3ha phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Mục đích thanh lý để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu lại chi phí quản lý doanh nghiệp.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hợp đồng của Công ty với Công ty Douglas Alliance Co.,Ltd - England ("nhà thầu chính"), về việc thi công một phần dự án Dự án thủy điện Sendje, tại Ghi-nê Xích đạo, đã bị gián đoạn, Công ty phải tổ chức đưa các công nhân về nước. Hợp đồng đã dừng thực hiện và dự kiến sẽ thanh lý vào thời điểm thích hợp, khi hết dịch bệnh. Công ty chưa ước tính được tổn thất và các chi phí khác cần ghi nhận (nếu có) liên quan đến hợp đồng này, do phụ thuộc vào kết quả đàm phán với nhà thầu chính khi thanh lý hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, chi phí thực tế đã phát sinh chỉ bao gồm chi phí thuê máy bay đưa công nhân về Việt Nam, số tiền 6.920.800.000 VND, phát sinh trong tháng 7/2020. Chi phí này được Công ty dự kiến sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có kết quả thanh lý hợp đồng với nhà thầu chính.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân